|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II- NGỮ VĂN 7****I. MỤC ĐÍCH ĐỀ KIỂM TRA:****1.Năng lực:**Kiểm tra đánh giá năng lực, phẩm chất trong chương trình Ngữ Văn 7 học kì 2 với mức độ đánh giá năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản của học sinh .- Tạo lập văn bản (Viết bài văn nghị luận về vấn đề xã hôi trong đời sống )**2.Phẩm chất:**- Chủ động tích cực trong việc lựa chọn đúng hướng giải quyết vấn đề một cách hợp lý- Tự nhận thức được giá trị chân chính trong cuộc sống của mỗi người cần hướng tới .**II. HÌNH THỨC KIỂM TRA** - Trắc nghiệm : 40% - Tự luận : 60%.**III. MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **3c** | **0** | **7c** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| Văn bản thông tin |
| **Số điểm** |  | **1,5** |  | **2,5** |  |  | **2,0** |  |  |  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một hiện tượng trong đời sống xã hội | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

 **BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II** **MÔN: *NGỮ VĂN LỚP 7*** **THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản thông tin | **Nhận biết**:- Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin.- Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu cách làm bánh khúc.- Xác định được từ đồng nghĩa.**Thông hiểu**:- Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản.- Chỉ ra được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin.- Giải thích được ý nghĩa, nội dung của tác phẩm.- Hiểu được tác dụng của phép so sánh. **Vận dụng:**- HS nêu được sự đặc biệt của văn bản thông tin.Nêu được tình cảm của người cháu dành cho bà phù hợp nội dung bài học. | 3TN | 7TN | 2TL |  |
|  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:****Thông hiểu:****Vận dụng:****Vận dụng cao:**Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** |  | **3TN** | **7TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60** | **40** |

**IV/ ĐỀ KIỂM TRA****ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II****Môn Ngữ văn lớp 7***Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề***I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)****Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới** *Mỗi lần hái được rau khúc về, bà tôi lấy nước mưa trong bể rửa sạch rau khúc và để cho thật ráo nước mới cho vào cối giã. Bà tôi giã rau khúc cho đến khi nhuyễn và dẻo như người ta giã giò. Sau đó bà tôi mới trộn rau khúc đã giã với bột nếp và nhào cho thật nhuyễn. Mỗi khi bà tôi nhào bột bánh xong, tôi cũng cúi rạp xuống ghé sát mũi vào cối bột bánh bà hít thật sâu. Cho dù vẫn chỉ là bột sống nhưng hương vị bánh khúc đã dâng lên làm tôi ứa đầy nước miếng. Những lúc như thế, tôi lại giục bà đồ bánh khúc. Nhưng bà tôi không bao giờ đồ bánh ngay. Bà tôi cứ để cối bột đã nhào kĩ chừng hơn một tiếng mới bắt đầu nặn bánh. Ngày xưa, chả mấy khi có thịt làm nhân bánh như bây giờ. Bà tôi chỉ dùng một ít nước mỡ trộn với đậu xanh mà quê tôi gọi là đậu tằm được thổi chín và giã nhuyễn cùng với hành lá làm nhân. Thi thoảng mua được mấy lạng mỡ phần thì bà tôi mới thái một ít để làm nhân bánh. Những miếng mỡ thái hạt lựu béo ngậy đến mê người. Khi ăn một chiếc bánh khúc như thế, tôi cứ nhai mãi mà không muốn nuốt. Cái béo của mỡ lợn, cái bùi của đậu và vị ngọt ngào của bột nếp và hương rau khúc làm nên một món ăn dân dã ngon lạ thường. Khi đồ bánh, bà tôi phủ một lớp rau khúc kín mặt chõ bánh để giữ hơi và làm cho chõ bánh đậm thêm hương rau khúc.* (Trích ***Hương khúc -*** ***Tôi khóc những cánh đồng rau khúc,*** Nguyễn Quang Thiều, in trong ***Mùi của kí ức,*** NXB Trẻ, 2017)***\** Khoanh tròn chữ cái đứng trước ý trả lời đúng nhất từ câu 1 tới câu 8** *(chọn đúng mỗi đáp án được 0,25 điểm).***Câu 1**. Đoạn trích thuộc kiểu văn bản nào?A. Văn bản thông tin. B. Văn bản tự sự. C. Văn bản miêu tả. D. Văn bản biểu cảm.**Câu 2.** Những nhân vật nào xuất hiện trong đoạn trích? **A.** Người mẹ. B**.** Bà và mẹ. **C.** Tôi và bà. D**.** Tôi và mẹ. **Câu 3.** Đoạn trích sử dụng ngôi kể thứ mấy? **A.** Ngôi thứ nhất. B**.** Ngôi thứ hai.**C.** Ngôi thứ ba D**.** Ngôi thứ nhất và ngôi thứ 3.**Câu 4**. Bánh khúc của bà được làm từ những nguyên liệu nào? A. Rau khúc và bột nếp.B. Rau khúc, bột nếp, đậu xanh. C. Rau khúc, bột nếp, đậu xanh, mỡ lợn. D. Rau khúc, bột nếp, đậu xanh, mỡ lợn và hành lá. **Câu 5.** Tại sao “*Bà tôi cứ để cối bột đã nhào kĩ chừng hơn một tiếng mới bắt đầu nặn bánh.*”?A. Bà dành thời gian chuẩn bị mỡ và thịt. B. Bà ủ bột bánh cho nở để chất lượng bánh được ngon hơn. C. Bà tranh thủ dạy cháu cách làm bánh ngon, thơm. D. Bà dành thời gian thổi đậu xanh để làm bánh. **Câu 6.** Từ “***thổi***” trong câu văn “*Bà tôi chỉ dùng một ít nước mỡ trộn với đậu xanh mà quê tôi gọi là đậu tằm được* ***thổi*** *chín và giã nhuyễn cùng với hành lá làm nhân.*” đồng nghĩa với từ nào sau đây?A. Nấu. B. Rán. C. Nướng D. Xào. **Câu 7.** Dòng nào nói đúng tác dụng của phép so sánh trong câu văn “*Bà tôi giã rau khúc cho đến khi nhuyễn và dẻo như người ta giã giò.*”?A. Diễn tả thao tác chế biến rau khúc của bà rất kĩ lưỡng, kì công. B. Diễn tả độ khó của việc chế biến rau khúc. C. Diễn tả các công đoạn chế biến rau khúc của bà. D. Diễn tả các công đoạn thưởng thức món bánh khúc**.** **Câu 8.** Vì sao món bánh khúc được coi là một món ăn dân dã?A. Nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên, thưởng thức đơn giản, cảm nhận được hương vị của bánh.B. Cách chế biến cầu kì, thưởng thức đơn giản mà vẫn cảm nhận được hương vị của bánh. C. Cách thưởng thức đơn giản, không cầu kì mà vẫn cảm nhận được hương vị của bánh. D. Cách chế biến thủ công, nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên, thưởng thức đơn giản, cảm nhận được hương vị của bánh.**Câu 9 (1,0 điểm). Điền vào chỗ trống (…) những từ ngữ thích hợp để chỉ rõ đặc điểm thông tin thể hiện trong đoạn trích trên.** A. Bánh khúc ngon là do (1) ……………có cách chế biến (2)……………..B. Rau khúc, bột nếp, đậu xanh, mỡ lợn và hành lá là (3)…………làm cho (4)…………… của bánh khúc rất ngon.**Câu 10 (1.0 điểm). Hãy khoanh tròn từ Đúng (Đ) hoặc sai (S) tương ứng với từng ý kiến nhận xét về nội dung và ý nghĩa của văn bản trong bảng sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Nhận xét** |
| A. Đoạn trích đã trình bày cách làm bánh khúc ngon được lấy từ nguyên liệu trong tự nhiên. | **Đ** | **S** |
| B. Sự việc chính trong đoạn trích là kể về hình ảnh của người bà. | **Đ** | **S** |
| C. Nhân vật xuất hiện trong đoạn trích chỉ có nhân vật tôi. | **Đ** | **S** |
| D. Đoạn trích cho chúng ta thấy tình cảm yêu quý dành cho người bà, người làm bánh, người thưởng thức bánh. | **Đ** | **S** |

**Trả lời câu hỏi:****Câu 11 (1.0 điểm)**. Trong cảm nhận của người cháu, món bánh khúc có gì đặc biệt? Từ đó hãy rút ra thông điệp từ đoạn trích.**Câu 12 (1.0 điểm)**. Tình cảm của người cháu dành cho bà thể hiện như thế nào trong đoạn trích? Em có đồng cảm với điều đó không?**Phần II. VIẾT (4.0 điểm)**Viết một bài văn trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng nghiện mạng xã hội của giới trẻ hiện nay?**V. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,25 |
| **2** | C | 0,25 |
| **3** | A | 0,25 |
| **4** | D | 0,25 |
| **5** | B | 0,25 |
| **6** | A | 0,25 |
| **7** | A | 0,25 |
| **8** | D | 0,25 |
|  | **9** | Điền đúng vào mỗi chỗ trống (…) những từ ngữ thích hợp được 0,25 điểm (4x 0,25 = 1,0 đ)A. bàB. thủ côngC. nguyên liệuD. hương vị | 0.5 |
| **10** | Khoanh tròn mỗi ý đúng: 0,25 điểm (4 ý x 0,25 = 1.0 điểm)A: Đúng; B: Sai; C: Sai ; D: Đúng | 1,0 |
| **11** | - HS nêu được sự đặc biệt của món bánh khúc (0.5)- Rút ra thông điệp phù hợp. (0.5) | 1,0 |
|  | **12** | - HS nêu được tình cảm của người cháu dành cho bà, của người thưởng thức dành cho người làm bánh, phù hợp nội dung bài học. (0.5) - Tự bộc lộ quan điểm. (0.5) | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm về trải nghiệm là sự cần thiết cho giới trẻ hôm nay. | 0,25 |
|  | *c. Yêu cầu đối với* bài văn nghị luận HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 2,5 |
|  |  **1/ Mở bài: (0,25 đ)*****- Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận:*** Bên cạnh những mặt tốt mà mạng xã hội mang lại, thì việc lạm dụng nó sẽ dẫn đến hiện tượng nghiêm trọng đó là hiện tượng nghiện mạng xã hội trong giới trẻ hiện nay. **2/ Thân bài**– Giải thích: mạng xã hội là gì? là một kênh thông tin xã hội của phương tiện công nghệ… **(0,25 đ)****– Thực trạng:** Nó trở thành một căn bệnh khó chữa của giới trẻ hiện nay. Nhiều người trẻ hiện nay lâm vào tình trạng nghiện game. **( 0, 25 đ**)**– Nguyên nhân:( 0,5 đ)**+ Do môi trường sống của thời đại CNTT bùng nổ mà giới trẻ chưa được trang bị những kiến thức, kĩ năng đầy đủ về hậu quả của việc sử dụng CNTT không đúng cách. + Gia đình thiếu quan tâm hoặc giáo dục rèn luyện con chưa đúng cách…+ Nhà trường và các tổ chức xã hội còn thiếu hoạt động tuyên truyền giáo dục… về vấn đề này. **– Hậu quả:**  Bỏ học, dẫn đến nhiều hành vi xấu khác như cướp vặt, đánh nhau… **(0,5 đ)****– Biện pháp: (0,5 đ)**+Bản thân giới trẻ cần rèn luyện cho mình những kĩ năng kiến thức để sử dụng mạng xã hội hiệu quả…+ Gia đình …+ Nhà trường… **3/ Kết bài (0,25 đ)**- Kết luận lại vấn đề.* Liên hệ: Bản thân cần biết sắp xếp thời gian học tập, giải trí cho phù hợp…
 |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | 0,5 |

 |
|  |

**VI. XEM XÉT LẠI VIỆC BIÊN SOẠN ĐỀ KIỂM TRA.**